

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ GD&ĐT HOÀ BÌNH

THÔNG KÊ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2015

STT	Mã Trường	Tên trường	Số TS Đăng ký dự thi	Số TS dự thi	Số TS được công nhận tốt nghịệp	Trong đó										Số TS không được công nhận tốt nghịệp	Thí sinh vi phạm quy chế	Thí sinh bị cấm thi
						Số TS THPT	Số TS GDTX	Số TS Tự do	Số TS nữ	Số TS dân tộc	Số TS miền thi	Số TS đặc cách	Số TS đồ điện 2	Số TS đồ điện 3				
1	001	TT GDTX thành phố Hoà Bình	60	57	44	0	44	0	18	33	0	0	9	33	13	0	0	
2	002	TT GDTX Đà Bắc	54	54	51	0	51	1	26	48	0	0	3	48	3	0	0	
3	003	TT GDTX Mai Châu	89	88	81	1	80	4	23	77	0	0	4	77	7	0	0	
4	004	TT GDTX&DN Tân Lạc	56	56	53	2	51	5	16	47	0	0	6	47	3	0	0	
5	005	TT GDTX&DN Lạc Sơn	100	100	81	1	80	1	23	78	0	0	3	78	19	0	0	
6	006	TT GDTX&DN Kỳ Sơn	36	35	35	0	35	0	14	32	0	0	3	32	0	0	0	
7	007	TT GDTX Lương Sơn	134	132	127	2	125	1	31	34	0	0	15	34	5	1	0	
8	008	TT GDTX Kim Bôi	111	105	100	4	96	22	27	95	0	0	2	95	5	0	0	
9	009	TT GDTX Lạc Thủy	68	68	56	0	56	0	22	17	0	0	35	17	12	0	0	
10	010	TT GDTX Yên Thủy	55	55	53	0	53	0	10	45	0	0	8	45	2	0	0	
11	011	TT GDTX Cao Phong	52	51	41	3	38	3	10	30	0	0	11	30	10	0	0	
12	012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	417	417	413	413	0	0	235	63	2	0	346	63	4	3	0	
13	013	THPT Lạc Long Quân	223	222	197	197	0	0	81	77	0	0	115	77	25	0	0	
14	015	THPT Công Nghiệp	319	319	292	292	0	0	157	58	2	0	224	58	27	0	0	



15	016	Phổ thông DTNT THPT tỉnh	205	205	199	199	0	0	144	185	0	0	0	0	199	6	0	0
16	017	THPT Ngô Quyền	116	114	92	92	0	0	42	60	0	0	31	60	23	1	0	0
17	018	THPT Đà Bắc	208	208	205	205	0	1	113	158	0	0	47	158	3	0	0	0
18	019	THPT Mường Chiềng	139	139	119	119	0	0	69	115	0	0	4	115	20	0	0	0
19	020	THPT Mai Châu A	227	227	196	196	0	1	110	161	0	0	34	161	31	0	0	0
20	021	THPT Mai Châu B	115	115	115	115	0	0	39	100	0	0	15	100	0	0	0	0
21	022	THPT Tân Lạc	194	194	158	158	0	1	91	90	0	0	68	90	36	0	0	0
22	023	THPT Mường Bi	206	206	193	193	0	0	106	177	0	0	16	177	13	0	0	0
23	024	THPT Đoàn Kết	141	141	133	133	0	0	75	117	0	0	16	117	8	0	0	0
24	025	THPT Lạc Sơn	308	308	301	301	0	0	175	232	0	0	69	232	7	0	0	0
25	026	THPT Cộng Hoà	229	229	225	225	0	0	125	221	1	0	4	220	4	0	0	0
26	027	THPT Đại Đồng	252	252	230	230	0	1	110	216	0	1	14	215	22	0	0	0
27	028	THPT Kỳ Sơn	185	185	164	164	0	1	81	128	0	0	36	128	21	1	0	0
28	029	THPT Phú Cường	83	83	82	82	0	0	39	62	0	0	20	62	1	0	0	0
29	030	THPT Lương Sơn	264	264	245	245	0	0	145	114	0	0	130	114	19	1	0	0
30	031	THPT Nguyễn Trãi	168	168	153	153	0	0	64	111	0	0	41	111	15	0	0	0
31	033	THPT Nam Lương Sơn	297	297	285	285	0	32	147	197	0	0	87	198	12	0	0	0
32	034	THPT Kim Bôi	310	310	299	299	0	2	166	251	0	0	48	251	11	0	0	0
33	035	THPT 19/5	283	283	276	276	0	2	157	232	0	0	44	232	7	0	0	0
34	036	THPT Cù Chính Lan	235	235	224	224	0	0	125	194	0	0	21	194	11	0	0	0
35	037	THPT Thanh Hà	112	112	108	108	0	3	59	61	0	0	47	61	4	0	0	0
36	038	THPT Lạc Thủy A	180	180	175	175	0	0	93	27	0	0	148	27	5	1	0	0
37	039	THPT Lạc Thủy B	169	168	141	141	0	0	80	72	0	0	69	72	27	1	0	0

38	040	THPT Lạc Thủy C	102	102	95	95	0	0	49	62	0	0	33	62	7	1	1.
39	041	THPT Yên Thủy A	239	239	229	229	0	0	129	132	0	0	97	132	10	0	0
40	042	THPT Yên Thủy B	181	180	167	167	0	0	91	163	0	0	4	163	13	0	0
41	043	THPT Cao Phong	209	208	195	195	0	0	113	102	0	0	90	102	13	0	0
42	044	TT GDTX tỉnh Hoà Bình	27	26	20	0	20	4	10	16	0	0	4	16	6	0	0
43	046	THPT Lũng Vân	74	74	74	74	0	0	31	74	0	0	0	74	0	0	0
44	047	THPT Yên Thủy C	135	135	130	130	0	0	78	78	0	0	52	78	5	0	0
45	048	THPT Quyết Thắng	210	210	206	206	0	0	106	198	0	0	8	198	4	0	0
46	049	THPT Thạch Yên	104	104	91	91	0	0	50	86	0	0	5	86	13	0	0
47	050	THPT Yên Hoà	88	88	83	83	0	0	41	82	0	0	1	82	5	0	0
48	051	THPT Bắc Sơn	122	122	118	118	0	0	45	116	0	0	2	116	4	0	0
49	052	THPT Sào Báy	194	193	187	187	0	0	90	173	0	0	14	173	6	0	0
Tổng cộng			8085	8063	7537	6808	729	85	3881	5297	5	1	2103	5310	527	10	0

Hoà Bình, ngày 27 tháng 07 năm 2015
Người lập biểu



Đỗ Mạnh Tuấn

Lưu ý: Chỉ thống kê thí sinh đăng ký xét công nhận tốt nghiệp
Số TS THPT, Số TS GDTX, Số TS tự do, Số TS nữ, Số TS dân tộc, Số TS miễn thi, Số TS đặc cách, Số TS đỗ diện 2 và Số TS đỗ diện 3 là số
những thí sinh đã đỗ tốt nghiệp

